TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 11-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công B

Bà Bùi Thị B

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị T - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, TP.H tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Đ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng H, sinh năm 1998 tại H, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, TP.H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân, có 03 tiền án: Bản án số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, TP.H xử phạt 12 tháng trù về tội Trộm căp tài sản; Bản án số 11/2016/HSST ngày 16/3/2016 Tòa án nhân dân quận H,TP.H xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 24/2016/HSST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, TP.H xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (03 tiền án nêu trên khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi cho nên không được coi là án tích); bị tạm giữ từ ngày 27/10/2018, tạm giam từ ngày 05/11/2018 tại Trại tạm giam Công an thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Phạm Đức B, sinh năm 1963,

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965,

Anh Phạm Đức B, sinh năm 1987,

Cùng địa chỉ: Tổ Kiến Th, phường Tr, quận K, TP.H, ông Phạm Đức B có mặt ở phần xét hỏi, vắng mặt ở phần tranh luận và tuyên án; bà Phạm Thị M và anh Phạm Đức B vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu Hoàng X, thị trấn An L, huyện An L, TP.Hải Ph, vắng mặt tại phiên tòa;

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Lương C, xã Tân V, huyện An L, TP.Hải Ph, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*:

Anh Nguyễn Văn Ph, ông Trần Đình Th, bà Phạm Thị Th, đều mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 20/10/2018, Nguyễn Hồng H và một nam thanh niên tên T (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) rủ nhau vào nhà ông Phạm Đức B, ở số 23/159 đường Ph, phường Tr, quận K, TP.H để trộm cắp tài sản. T đứng ở đầu ngõ số 159 để cảnh giới còn H đi qua khu đất trống vào cửa sau nhà ông Phạm Đức B không khóa và lấy 01 bộ quần áo ở trong tủ trên tầng hai và 02 chiếc điện thoại Nokia, 01 đôi dép ở tầng một. Khi đi ra đến sân, H phát hiện một chiếc xe mô tô Air Blade BKS 16P7-7041 có chùm chìa khóa cắm ở ổ khóa xe, hiệp mở cổng dắt xe cùng toàn bộ tài sản chiếm đoạt được ra đầu ngõ 159 mở cốp xe có 01 áo mưa, 01 ví da bên trong có 01 đăng ký xe mang tên Đỗ Thị Th và bằng lái xe, giấy chứng minh nhân dân của ông B. Hiệp chở Tùng đến quan Internet ở khu vực phường Tr, còn H điều khiển xe đến quán số 58/345 đường Trần Tất V, K của anh Nguyên Văn Ph chơi Game bắn cá, sau khi thua hết tiền H cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Ph với giá 8.000.000 đồng để chơi game và ăn tiêu hết.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, H vay 8.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn V chuộc xe đã cầm cố cho anh Nguyễn Văn Ph, sau đó H bán xe mô tô cho anh Trịnh Văn Th với số tiền 17.000.000 đồng. H trả anh V 7.000.000 đồng, chia cho T 2.000.000 đồng, số tiền còn lại H ăn tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐG ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: Tại thời điểm ngày 20/10/2018, 01 xe mô tô Air Blade BKS 16P7-7041 có giá là 16.000.000 đồng.

Đối với 02 chiếc điện thoại Nokia Nguyễn Hồng H đã chiếm đoạt của ông B, bà M; H đã bán cho 02 người đàn ông không quen biết, nên không thu hồi được. Hội đồng định giá tài sản quận K trả lời không có đủ cơ sở để định giá, song việc ông B khai mua điện thoại khoảng 07 tháng trước với giá 1.500.000 đồng. Ngày 27/10/2018 Nguyễn Hồng H đến Cơ quan Công an Q.K đầu thú.

Ngày 05/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã khởi tố vụ án, bị can đối với Nguyễn Hồng H về tội Trộm cắp tài sản.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKA ngày 31/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Nguyễn Hồng H về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Phạm Đức B khai gia đình ông đã bị mất trộm 01 bộ quần áo, 01 đôi dép nhựa của anh Phạm Đức B; 01 điện thoại Nokia trị giá 300.000 đồng của bà Phạm Thị M; 01 điện thoại Nokia trị giá 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 16P7-7041, 01 mũ xe máy, 01 áo mưa, 01 ví da trong ví có đăng ký xe, Chứng minh nhân dân của ông B và số tiền 36.000.000 đồng ông B để ở trong tủ quần áo trên tầng hai và 3.500.000 đồng trong túi quần ở cầu thang tầng một.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Hồng H khai nhận đã chiếm đoạt của gia đình ông B 01 bộ quần áo, 02 điện thoại Nokia trị giá 1.500.000 đồng, 01 đôi dép nhựa, 01 mũ xe máy, 01 áo mưa, 01 ví da trong ví có đăng ký xe, Chứng minh nhân dân và 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 16P7-7041 trị giá 16.000.000 đồng. H không thừa nhận việc chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng ở trong tủ trên tầng hai và 3.500.000 đồng trong túi quần ở cầu thang tầng một.

Tại phiên tòa, đại diện Viện K sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Rút một phần quyết định truy tố đối với Nguyễn Hồng H theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hồng H từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại dân sự cho anh Trịnh Văn Th số tiền 17.000.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 36.000.000 đồng ông B khai để ở tủ quần áo ở tầng 2 và số tiền 3.500.000 đồng ông B khai để trong túi quần ở cầu thang tầng một, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên không nhận được bất cứ khiếu nại hoặc kiến nghị gì từ phía những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại Kết luận điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã hoàn thành việc điều tra về số tiền trị giá chiếc xe mô tô là 16.000.000 đồng và một số tài sản khác. Đối với số tiền 39.500.000 đồng chưa hoàn thành việc điều tra và đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Sau khi nhận được Kết

luận điều tra và hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân quận K không thống nhất với quan điểm của Cơ quan cảnh sát điều tra thì phải trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K để giải quyết theo thẩm quyền mà vẫn tiến hành truy tố bị cáo Nguyễn Hồng H theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với giá trị tài sản chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng, gây bất lợi cho bị cáo đồng thời gây tâm lý không tốt cho bị cáo và bị hại.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã rút một phần quyết định truy tố theo Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành truy tố bị cáo Nguyễn Hồng H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng với bản chất của vụ án, được chấp nhận. Do vậy không cần thiết phải trả hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H.

- Về tội danh:

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Nguyễn Hồng H không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng ông B khai để ở tủ quần áo ở tầng 2 và số tiền 3.500.000 đồng ông B khai để trong túi quần ở cầu thang tầng một. Lời khai của bị cáo phù hợp với diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội như sau "Sau khi lấy được xe mô tô, bị cáo có 100.000 đồng đến quán số 58/345 đường Trần Tất V, K, Hải Phòng của anh Nguyễn Văn Ph chơi Game bắn cá thua hết 100.000 đồng, do hết tiền H cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Ph với giá 8.000.000 đồng để chơi game tiếp. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn Ph. Do đó, không đủ cơ sở kết luận bị cáo đã chiếm đoạt của ông Phạm Đức Bùn số tiền 39.500.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tách ra để xác minh làm rõ sau là phù hợp pháp luật. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã rút Quyết định truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Quyết định truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định tại Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Hồng H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình ông B 01 bộ quần áo, 01 mũ bảo hiểm xe máy, 01 ví da bên trong có bằng lái xe, Chứng minh nhân dân, 01 áo mưa, 02 điện thoại Nokia trị giá 1.500.000 đồng, 01 đôi dép và 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 16P7-7041 trị giá 16.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 17.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo phạm tội trong trường hợp đã 03 lần bị kết án và đều được coi là không có án tích, tuy những lần bị kết án này không làm căn cứ để đánh giá là tái phạm, nhưng đánh giá bị cáo là người có có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo chưa bồi thường thiệt hại dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo và xét xử bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên tên T, chưa xác định được lai lịch, địa chỉ theo lời khai của H, là người cùng với H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông B, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với hai người đàn ông mua 02 chiếc điện thoại của H, Cơ quan điều tra không chứng minh làm rõ được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Anh Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn V và anh Trịnh Văn Th không biết chiếc xe Air Blade BKS 16P7-7041 là tài sản do Nguyễn Hồng H trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là phù hợp.

Đối với số tiền 36.000.000 đồng ông B khai để ở tủ quần áo ở tầng 2 và số tiền 3.500.000 đồng ông B khai để trong túi quần ở cầu thang tầng một, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự:

[4] Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại dân sự cho anh Trịnh Văn Th số tiền 17.000.000 đồng.

Đối với các tài sản là 02 chiệc điện thoại Nokia bị cáo đã bán cho người không quen biết; 01 bộ quần áo, 01 đôi dép nhựa, 01 mũ bảo hiểm xe máy, 01 áo mưa, 01 ví da, bằng lái xe, chứng minh nhân dân bị cáo đã vứt đi cơ quan điều tra không thu hồi được, ông Phạm Đức B, bà Phạm Thị M, anh Phạm Đức B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; anh Nguyễn Văn V không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng trong vụ án:

[5] Chiếc xe mô tô Air Blade và 01 đăng ký xe mang tên Đỗ Thị Th đã bán cho ông B là tài sản của ông B, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông B là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Hồng H18 *(Mười tám)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 27/10/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại dân sự cho anh Trịnh Văn Th số tiền 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*.

- Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hồng H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 đồng *(Tám trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận K;
- VKSND TP.H;
- Cơ quan CSĐT-CA Q.K;
- Chi cục THA dân sự K;
- Trại tạm giam CA H;
-Phòng CSTHA và Hỗ trợ TP
- TAND TP.H;
- Sở Tư pháp H
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đặng Tr